

Bản án số: 07/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 02-02 -2024

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Tòng Thị Tuyết

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Liên

2. Bà Lò Hải Yến

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lực - Thư ký Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên toà: Bà Bùi Hiền Lương, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và ngày 02 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 03/2023/TLST- HNGĐ ngày 09/10/2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐST – HNGĐ ngày 18/01/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Anh D, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số nhà 045, ngõ 224, đường Trần Phú, tổ 4, phường Tân P, thành phố L, tỉnh L. Nghề nghiệp: Tự do. *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số nhà 045, ngõ 224, đường Trần Phú, tổ 4, phường Tân P, thành phố L, tỉnh L. Nghề nghiệp: Bộ đội. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn và các lời khai tại Tòa án nhân dân thành phố L, anh Phạm Anh D là nguyên đơn trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị L1 kết hôn ngày 27/5/2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, quận Ba Đ, thành phố H. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống: Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc hòa thuận từ khi kết hôn đến tháng 9 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, không còn hòa hợp, hay nghi ngờ lẫn nhau, tình cảm vợ chồng nhiều ý kiến trái chiều trong lối sống gia đình, đối nội, đối ngoại. Đến nay những mâu thuẫn không tự giải quyết được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị L1.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị L1 có 02 con chung tên là Phạm Phi A, sinh ngày 18/10/2014 và Phạm Đức Tr, sinh ngày 10/10/2017. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh D không yêu cầu chị Nguyễn Thị L1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Anh Phạm Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị L1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Anh D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/5/2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, quận Ba Đ, thành phố H. Quá trình chung sống anh chị chung sống hạnh phúc cho đến thời gian gần đây hai anh chị nảy sinh mâu thuẫn, cuộc sống bế tắc về tình cảm không hiểu nhau và hay làm tổn thương nhau. Nay anh D khởi kiện ly hôn chị không nhất trí, đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ để có được cuộc sống tốt hơn.

Về con chung: Chị và anh Phạm Anh D có 02 con chung tên là Phạm Phi A, sinh ngày 18/10/2014 và Phạm Đức Tr, sinh ngày 10/10/2017. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Và yêu cầu anh Phạm Anh D cấp dưỡng nuôi cả hai con chung.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu phản tố.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/11/2023 cháu Phạm Phi A khai có nguyện vọng được chung sống với bố. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh ngày 01/02/2024 cháu thay đổi lời khai là muốn sống chung với mẹ.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa, anh Phạm Anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Chị Nguyễn Thị L1 trình bày: Trong trường hợp không được giao trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung thì chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Phi A, sinh ngày 18/10/2014 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và yêu cầu anh Phạm Anh D cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Phi A hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và giao cháu Phạm Đức Tr, sinh ngày 10/10/2017 cho anh anh Phạm Anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về việc nuôi con chung anh Phạm Anh D trình bày: Anh vẫn tha thiết được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung để các con có cuộc sống đầy đủ, tốt đẹp hơn. Anh cam kết sẽ giáo dục các con trở thành những người con hiếu thảo của Gia đình, công dân có ích cho xã hội. Đối với việc cấp dưỡng cho con là trách nhiệm của cha mẹ để con cái đảm bảo cuộc sống đầy đủ nên nếu phải cấp dưỡng anh cũng nhất trí về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L có ý kiến về thủ tục tố tụng như sau: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến

trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán được phân công. Tiến hành thụ lý vụ án đúng trình tự, thủ tục và gửi thông báo thụ lý vụ án đúng thời hạn quy định; Xác định đúng tư cách tổ tụng của đương sự; Thu thập chứng cứ khách quan, công khai; Ra quyết định xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định; Việc cấp, tổng đạt văn bản tổ tụng đảm bảo. Hội đồng xét xử đã xét xử vụ án đúng nguyên tắc, thành phần.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 18/10/2023 là chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39. Các Điều 147, 244, 254, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Anh Phạm Anh D được ly hôn với chị Nguyễn Thị L1. Việc nuôi con: Giao cháu Phạm Đức Tr, sinh ngày 10/10/2017 cho anh Phạm Anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Phạm Phi A, sinh ngày 18/10/2014 cho chị Nguyễn Thị L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, chấp nhận đề nghị của chị Nguyễn Thị L1 về việc yêu cầu anh Phạm Anh D phải cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng. Anh Phạm Anh D và chị Nguyễn Thị L1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật. Về chia tài sản: Anh Phạm Anh D và chị Nguyễn Thị L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh Phạm Anh D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và giải thích quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đều có địa chỉ cư trú tại thành phố L, tỉnh L, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại Tòa là vi phạm các quy định tại Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ngày ngày 27/5/2014, anh Phạm Anh D và chị Nguyễn Thị L1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, quận Ba Đ, thành phố H trên cơ sở hai bên tự nguyện. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, cho đến thời gian gần đây hai bên nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng không được như mong muốn. Trong thời gian chung sống, hai vợ chồng hay không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau vun vén hạnh phúc Gia đình; không chia sẻ, thực hiện các công việc trong Gia đình... Vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Phạm Anh D đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Nguyễn Thị L1 là có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2] Việc nuôi con: Anh Phạm Anh D và chị Nguyễn Thị L1 có 02 con chung tên là Phạm Phi A, sinh ngày 18/10/2014 và Phạm Đức Tr, sinh ngày 10/10/2017. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Phạm Anh D và đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị L1 thay đổi ý kiến, trường hợp không được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung thì chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng Phạm Phi A, sinh ngày 18/10/2014 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Cháu Phạm Phi A thay đổi nguyện vọng được ở với mẹ.

Hiện nay các cháu đều còn nhỏ, việc giao con cho bên nào trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con, đảm bảo quyền được yêu thương, tôn trọng, chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức trở thành những người con hiếu thảo của Gia đình, công dân có ích cho xã hội. Xét thấy hiện nay anh Phạm Anh D và chị Nguyễn Thị L1 đều có thu nhập ổn định từ lương hàng tháng, do đó việc giao các con chung cho hai anh chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đều đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Đối chiếu với các quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và Gia đình có căn cứ để giao cháu Phạm Đức Tr, sinh ngày 10/10/2017 cho anh Phạm Anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Phạm Phi A, sinh ngày 18/10/2014 cho chị Nguyễn Thị L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phạm Phi A với mức cấp dưỡng số tiền là 3.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi cháu Phạm Phi A đủ 18 tuổi theo quy định tại các Điều 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và Gia đình.

Anh Phạm Anh D không yêu cầu chị Nguyễn Thị L1 phải cấp dưỡng nuôi con chung vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Anh Phạm Anh D và chị Nguyễn Thị L1 đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này.

[3]. Về chia tài sản: Anh Phạm Anh D và chị Nguyễn Thị L1 không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[4]. Về án phí: Anh Phạm Anh D phải chịu án phí hôn nhân Gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 244, 254, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Anh D được ly hôn với chị Nguyễn Thị L1.

2. Việc nuôi con:

Giao cháu Phạm Đức Tr, sinh ngày 10/10/2017 cho anh Phạm Anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Giao cháu Phạm Phi A, sinh ngày 18/10/2014 cho chị Nguyễn Thị L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phạm Phi A với mức cấp dưỡng số tiền là 3.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi cháu Phạm Phi A đủ 18 tuổi theo quy định tại các Điều 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và Gia đình.

Anh Phạm Anh D và chị Nguyễn Thị L1 đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị L1 có đơn yêu cầu thi hành án, anh Phạm Anh D chưa thi hành (*không nộp tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc không đóng đầy đủ*) thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về chia tài sản: Anh Phạm Anh D và chị Nguyễn Thị L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn là anh Phạm Anh D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000104 ngày 11/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh L số tiền là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng chẵn*). Xác nhận anh Phạm Anh D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Phạm Anh D phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*).

Nguyên đơn là anh Phạm Anh D, bị đơn là chị Nguyễn Thị L1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND TP. L;
- THADS TP.L;
- UBND phường V– Ba Đ - H;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tòng Thị Tuyết

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA